

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ PHAN NHẬT HẰNG(\*)

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu hoạt động học tập của sinh viên thông qua việc tìm hiểu những thông tin chân thực nhất tác động (tích cực hoặc tiêu cực) tới quá trình học tập và kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên khối ngành sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh lại thuộc một hệ đặc thù trong môi trường đào tạo công nghệ nên những thông tin này chắc chắn phải có những điểm cần quan tâm.

**Từ khóa:** hoạt động học tập, sinh viên khối ngành sư phạm, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

**ABSTRACT:** Study students' learning activities by studying the most relevant information (positive or negative) on learning process and students' academic performance. Students in Pedagogic Faculty of Ho Chi Minh University of Technology and Education belong to a particular system in technical training environment, so certainly this information should contain specific characteristics to consider.

**Key words:** learning activities, students in Pedagogic Faculty, Ho Chi Minh City University of Technology and Education.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm trở lại đây đã thực sự trở thành một trường đại học công nghệ và giáo dục. Từ xuất phát điểm là trường chuyên đào tạo giáo viên kỹ thuật nay trở thành trường đào tạo đa ngành và đa lĩnh vực. Tỷ lệ đào tạo giáo viên kỹ thuật hiện nay giảm xuống chỉ còn khoảng 10% (Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của khối ngành sư phạm trong 10 năm gần đây khoảng 400 trên tổng chỉ tiêu hệ đại học khoảng 4.000). Một môi trường đào tạo giáo viên kỹ thuật như vậy chắc chắn có những đặc thù ảnh hưởng tích cực và chưa tích cực tới thực trạng hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm. Chất lượng đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên sư phạm kỹ thuật nói riêng chưa đáp ứng nhu cầu chất lượng của các cơ sở đào tạo (yếu

tay nghề, chưa tinh thông về nghiệp vụ sư phạm, chưa có lòng yêu nghề...). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp khối ngành sư phạm kỹ thuật không chọn nghề giảng dạy khá cao, chất lượng đầu vào (điểm chuẩn tuyển sinh) chưa cao...

Trước tình hình này, những chủ trương, biện pháp chỉ đem lại hiệu quả như mong muốn khi bản thân sinh viên, tức là đối tượng thụ hưởng và là đối tượng điều chỉnh có nhận thức đúng và đủ, có thái độ phù hợp, tích cực đáp ứng với môi trường đổi mới của nhà trường.

Một câu hỏi lớn đặt ra là: Sinh viên khối ngành sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh dưới tác động của bối cảnh và môi trường nói trên đã học tập như thế nào? Chịu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực ra sao? Những biện pháp bổ sung cần thiết để nâng cao

(\*)Cử nhân. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

chất lượng học tập của sinh viên khối ngành sư phạm là gì? Bài báo này nêu lên quá trình và kết quả nghiên cứu của đề tài: “Xác định thực trạng hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh”.

## 2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Thông qua việc nghiên cứu các cơ sở lý luận liên quan tới hoạt động học tập của sinh viên, những đặc điểm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đối với cả hai khối ngành sư phạm và công nghệ, người nghiên cứu đã sử dụng kỹ thuật khảo sát thông qua bảng hỏi, cùng với phương pháp thống kê toán học nhằm đánh giá chính xác, khách quan và khoa học những thông tin cần thiết liên quan tới hoạt động học tập của sinh viên, rút ra những kết luận và đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm.

Với mục tiêu khảo sát đánh giá hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm có so sánh với tình hình tương ứng của sinh viên khối ngành công nghệ, người nghiên cứu tiến hành chọn mẫu xuất phát từ một số đặc điểm sau đây:

Chỉ chọn các sinh viên từ năm thứ nhất tới năm thứ 3 (các khóa 2015 tới 2013), trong đó chủ yếu là các khóa 2014, 2013. Sinh viên năm cuối (2012) do phân tán vào công tác thực tập tốt nghiệp nên khó có điều kiện lấy mẫu.

Do tính trải rộng của các ngành nên số lượng mẫu phải đủ lớn. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 754 mẫu, trong đó có 376 sinh viên khối ngành sư phạm và 378 sinh viên khối ngành công nghệ.

## 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Những đánh giá phân tích tập trung vào việc phân tích mô tả các hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm và khối

ngành công nghệ, tìm và phân tích so sánh điểm tương đồng, khác biệt về các hoạt động học tập của sinh viên hai khối ngành này.

Kết quả thống kê cũng được kiểm định trên cơ sở thực hiện một số phép tính về sự tương quan giữa các thông số chủ yếu cũng như một số sự khác biệt chủ yếu thể hiện tính đặc thù của khối ngành sư phạm so với khối ngành công nghệ.

### 3.1. Nhận thức về hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

#### 3.1.1. Lý do lựa chọn học khối ngành sư phạm

Nhận thức về nghề nghiệp là yếu tố quan trọng (cùng với mục đích và động cơ học tập) ảnh hưởng tới hoạt động học tập của sinh viên.

Kết quả khảo sát cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên hai khối ngành. Đặc điểm này phù hợp với thực tế khi công tác hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh, thông tin nghề nghiệp còn chưa tốt, áp lực phải vào đại học để có tấm bằng còn khá nặng nề đối với xã hội.

#### 3.1.2. Mục đích học tập của sinh viên khối ngành sư phạm

Mục đích học tập là yếu tố quan trọng tác động tới hành vi học tập được khảo sát trong câu 3 của bảng hỏi với kết quả: Có 65% (493/754) sinh viên cả 2 khối ngành có mục đích học tập rõ ràng, thực tế. Trong số đó tỷ lệ sinh viên sư phạm là 67% (254/376), nhóm sinh viên công nghệ là 63% (239/378); Tỷ lệ sinh viên có mục đích học tập chung chung, mơ hồ là học để nâng cao trình độ hiểu biết chiếm tỷ lệ khá cao 23% (174/754), trong khi đó mục đích cụ thể và thực dụng là học để kiếm tiền chiếm tỷ lệ cao nhất là 26% (199/754).

Kết luận: không có sự khác biệt đáng kể về mục đích học tập giữa sinh viên hai khối ngành.

### 3.1.3. Động cơ học tập của sinh viên khối ngành sư phạm

Kết quả khảo sát động cơ học tập của sinh viên cho thấy: Có 85% số sinh viên được khảo sát (640/754) có động cơ học tập đúng và hợp lý, tức là mong muốn hoàn thiện bản thân và mong muốn cải thiện tình trạng kinh tế, tỷ lệ này ứng với sinh viên sư phạm là 80% (302/376), sinh viên công nghệ là 89%; những mong muốn mơ hồ như học để giữ lại trường làm giáo viên, học vì gia đình, học để tiếp nối truyền thống chỉ chiếm thiểu số (15%).

Kết luận: không có sự khác biệt đáng kể nào về động cơ học tập giữa hai nhóm sinh viên sư phạm và công nghệ.

### 3.2. Thái độ đối với hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm

Kết quả khảo sát thái độ đối với hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm cho thấy: Có 45% trên tổng số sinh viên (336/754) cho là có biểu hiện thích. Trong tỷ lệ này sinh viên sư phạm tương ứng là 48%, sinh viên công nghệ là 40%; có một sự khác biệt nhỏ giữa hai khối ngành khi thái độ thích học của nhóm sư phạm cao hơn (48%) so với nhóm công nghệ (40%); Như vậy, có thể nhận định đại đa số sinh viên hai khối ngành đều có thái độ học tập tốt.

Thái độ của sinh viên đối với hoạt động học tập còn được khảo sát qua câu hỏi “Nếu có cơ hội bạn có thay đổi ngành nghề hay không?”.

Kết quả thống kê cho thấy: Có 49% (368/754) sinh viên không có ý định đổi ngành nghề, tức là yêu ngành nghề hoặc cho nó là phù hợp với mình, tỷ lệ này trong khối ngành sư phạm là 50% (187/376), trong khối ngành công nghệ là 52%; Khoảng 18% có ý định đổi ngành nghề khi có điều kiện,

trong đó khối ngành sư phạm là 19% (70/376), khối ngành công nghệ là 17% (65/378). Như vậy, thể hiện không phù hợp ngành nghề ở nhóm sinh viên sư phạm là cao hơn; tỷ lệ sinh viên còn phân vân với ngành nghề đang học chiếm 31%.

Kết luận: tỷ lệ 49% an tâm với ngành nghề không phải là con số mong muốn nhưng nó phản ánh đúng thực tế của công tác tuyển sinh (liên quan tới tư vấn ngành nghề, điểm chuẩn,...). Nhiều sinh viên không được định hướng kỹ về nghề nghiệp sẽ cảm thấy hụt hẫng và hoài nghi với ngành mình đang học.

### 3.3. Hành động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

#### 3.3.1. Tính tích cực học tập

Có sự khác biệt về tính tích cực trong hoạt động này giữa hai khối ngành khi tỷ lệ thường xuyên tham gia hoạt động của sinh viên sư phạm cao hơn so với sinh viên công nghệ (22% so với 14%).

Kết quả cho thấy hoạt động trên lớp của sinh viên còn thụ động, tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào phương pháp giảng dạy của giảng viên. Cũng có biểu hiện là sinh viên sư phạm có hoạt động khá hơn.

Về hoạt động thuyết trình trên lớp, thống kê cho thấy:

Tỷ lệ hầu như không có thuyết trình tại lớp chiếm 62% đối với cả hai khối ngành, trong đó đối với sinh viên sư phạm tỷ lệ thấp hơn là 56% (209/376), đối với sinh viên công nghệ tỷ lệ cao hơn là 67%. Sự khác biệt cho thấy sinh viên sư phạm có điều kiện và cơ hội tham gia thuyết trình nhiều hơn.

Có tới 87% sinh viên hầu như không có hoạt động trao đổi với giảng viên (ứng với cả hai khối ngành). Điều này cho thấy có thể phương pháp dạy và học vẫn còn nặng tính chất “truyền giảng”.

#### 3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm

Phần đông sinh viên cho rằng giảng viên thường tạo cơ hội và yêu cầu sinh viên tự học ở mức độ nhiều và rất nhiều, tỷ lệ này chiếm 61%, trong đó khối ngành sư phạm là 63%, khối ngành công nghệ là 58%. Như vậy có một sự khác biệt (tuy không lớn) theo hướng sinh viên sư phạm được giảng viên quan tâm tới vấn đề tự học nhiều hơn.

Hoạt động của giảng viên tạo cơ hội hoặc yêu cầu sinh viên làm việc nhóm cũng được khảo sát và cho kết quả:

Có 65% sinh viên cho rằng hoạt động này của giảng viên ở mức độ “nhiều” và “rất nhiều”; trong đó tỷ lệ ở khối ngành sư phạm nhiều hơn (71%) so với khối ngành công nghệ (59%). Như vậy có sự khác biệt khá rõ theo hướng sinh viên sư phạm được giảng viên tạo điều kiện và hướng dẫn học nhóm nhiều hơn.

### 3.4. Các tính toán tương quan và sự khác biệt

Để tìm hiểu mối liên hệ giữa các biến, ở đây là vấn đề được đặt ra trong bảng khảo sát sinh viên có phù hợp với những nhận thức suy diễn hay không, người nghiên cứu

**Bảng 1: Thống kê điểm trung bình của sinh viên khối ngành sư phạm và công nghệ từ 2013 - 2016**

Năm học	2013-2014			2014-2015			2015-2016		
	N	TB	SD	N	TB	SD	N	TB	SD
2013CN	1316	5.90	0.88	1318	6.33	0.87	1314	6.44	1.19
2013SP	286	6.49	0.91	285	6.73	0.92	286	6.73	1.32
2014CN				1337	6.40	0.85	1340	6.21	1.21
2014SP				223	7.05	0.81	223	6.78	1.19

Trong đó: N: Mẫu (Tổng số sinh viên); TB: Điểm trung bình năm học; SD: Độ lệch tiêu chuẩn

Kết quả thể hiện ở bảng trên cho thấy dường như sinh viên khối ngành sư phạm có kết quả học tập tốt hơn sinh viên khối ngành công nghệ. Tuy nhiên nếu phân tích kỹ ta thấy rằng qua từng năm học, điểm trung bình của sinh viên sư phạm tăng chậm hơn sinh viên công nghệ hay nói cách khác sinh viên khối ngành công nghệ tiến bộ nhanh hơn.

lựa chọn một số biến điển hình để thực hiện một số bài toán tương quan và khác biệt, cụ thể là mức độ tích cực học tập của sinh viên hai khối ngành là ngang nhau.

### 3.5. Kết quả học tập của sinh viên

Kết quả học tập của sinh viên đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên. Có những quan điểm và cách thức đo lường kết quả học tập của sinh viên trong học tập tại các trường đại học nhưng phổ biến nhất là đo lường thông qua điểm của môn học. Trong giới hạn của đề tài này, để đánh giá hoạt động học tập của sinh viên, người nghiên cứu đã thu thập dữ liệu điểm trung bình các năm học 2013-2014, 2014-2015, 2015-2016 của sinh viên khối ngành sư phạm và khối ngành công nghệ (khóa 2013 và 2014) bao gồm các ngành sau: Kỹ thuật Điện – Điện tử, Điện tử truyền thông, Điện tử Viễn thông, Cơ khí máy, Cơ khí động lực, Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ thông tin và Ngữ văn Anh. Số liệu được thống kê trong Bảng 1.

Sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên hai khối ngành theo kiểm nghiệm t (t test) theo phương trình sau đây:

$$t = \frac{\bar{X}_1 - \bar{X}_2}{\sqrt{\frac{S^2}{n_1 - 1} + \frac{S^2}{n_2 - 1}}}$$

Trong đó:

$\bar{X}_1$  và  $\bar{X}_2$  là những trung bình của mẫu 1 và mẫu 2

$S$  là số phỏng định sai số tiêu chuẩn của hiệu số được tính bằng phương trình sau:

$$S' = \sqrt{\frac{(N_1 - 1)S_1^2 + (N_2 - 1)S_2^2}{N_1 + N_2 - 2}}$$

Trong đó:

$N_1, N_2$  là số chủ thể trong các mẫu 1 và 2

$$df = N_1 + N_2 - 2$$

$S_1'$  là số phỏng định độ lệch tiêu chuẩn cho mẫu 1

$S_2'$  là số phỏng định độ lệch tiêu chuẩn cho mẫu 2

Áp dụng các phương trình trên, ta có dữ liệu sau khi tính toán được trình bày trong bảng 2.

**Bảng 2: Bảng so sánh điểm trung bình của sinh viên hai khối ngành**

Năm học	Khóa	S	t tính toán	df	$\alpha$	t tra bảng
2013-2014	13SP – 13CN	0.057	10.2	1600	0.05	1.645
2014-2015	13SP – 13CN	0.057	7.08	1601	0.05	1.645
2014-2015	14SP – 14CN	0.061	10.6	1558	0.05	1.645
2015-2016	13SP – 13CN	0.079	3.5	1598	0.05	1.645
2015-2016	14SP – 14CN	0.087	6.5	1561	0.05	1.645

Phân tích kết quả từ bảng trên ta thấy rằng khi so sánh điểm trung bình các năm học của sinh viên khóa 13SP với 13 CN hay 14 SP với 14 CN thì giá trị t tính toán luôn luôn dương và t tính toán > t tra bảng. Điều đó chứng tỏ rằng có sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên hai khối ngành.

Có thể kết luận rằng hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm có xu hướng khá hơn sinh viên khối ngành công nghệ, tuy nhiên sự khác biệt này không nhiều.

#### 4. KẾT LUẬN

Sau khi phân tích thực trạng hoạt động học tập của sinh viên khối ngành sư phạm so sánh với sinh viên khối ngành công nghệ tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, người nghiên cứu nhận thấy rằng:

Kết quả phân tích thống kê và tính toán kiểm nghiệm cho thấy những thông tin về hoạt động học tập của sinh viên là đáng tin cậy.

Hoạt động học tập của sinh viên còn một khoảng cách khá xa so với kỳ vọng. Đây

là một vấn đề cần quan tâm vì biết rằng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên được hình thành chủ yếu qua hoạt động học tập của họ.

Hầu như không có sự khác biệt về hoạt động học tập của sinh viên hai khối ngành.

Từ kết quả nghiên cứu có thể rút ra một số nhận định: Do vùng khảo sát mẫu tập trung vào khóa 2013, 2014 tức là khối sinh viên đang học theo mô hình cũ (song song) nên mặc dù không có sự khác biệt nhiều về hoạt động học tập của sinh viên hai khối ngành (do chung điểm chuẩn đầu vào, chung lớp, chung chương trình, chung giảng viên...), nhưng qua một số chỉ số đánh giá về nhận thức, thái độ và hành vi vẫn cho thấy hoạt động của sinh viên khối ngành sư phạm có khá hơn. Kết quả phân tích kết quả học tập của khối sinh viên sư phạm cũng cao hơn. Nguyên nhân chủ yếu của sự khác biệt (dù nhỏ) này có lẽ nằm ở ý thức trách nhiệm trong học tập (vì hệ sư phạm được Nhà nước miễn học phí) hoặc do tiếp cận với một số môn nghiệp vụ sư phạm song song với các môn học công nghệ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Thiệu Tống (2008). *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học*. Tập 2, Thống kê suy diễn. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 09/09/2016. Ngày biên tập xong: 06/3/2017. Duyệt đăng: 24/3/2017